



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	1.173.887	1.136.769	37.118
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	778.754	778.754	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	270.415	270.415	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	124.718	87.600	37.118



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: TUYỀN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	766.487	723.199	43.288
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	466.542	466.542	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	83.646	83.646	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	216.299	173.011	43.288



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	954.644	931.425	23.219
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	621.769	621.769	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	253.806	253.806	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	79.069	55.850	23.219



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỎ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	808.087	763.988	44.099
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	516.161	516.161	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	83.707	83.707	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	208.219	164.120	44.099



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	732.886	699.838	33.048
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	445.773	445.773	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	163.015	163.015	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	124.098	91.050	33.048



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	565.298	523.568	41.730
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	292.484	292.484	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	78.904	78.904	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	193.910	152.180	41.730



Phụ lục III

ĐƯ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	404.742	356.951	47.791
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	169.778	169.778	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.918	2.918	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	232.046	184.255	47.791

Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI BÒ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN
SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
TỈNH: BẮC KẠN
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	579.815	552.789	27.026
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	373.970	373.970	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	83.399	83.399	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	122.446	95.420	27.026

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỎ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	567.631	500.988	66.643
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	204.648	204.648	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.068	3.068	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	359.915	293.272	66.643

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	518.428	462.152	56.276
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	184.924	184.924	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	50.310	50.310	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	283.194	226.918	56.276

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	560.099	522.198	37.901
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	345.880	345.880	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	53.233	53.233	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	160.986	123.085	37.901





Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	933.026	894.845	38.181
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	722.316	722.316	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	61.334	61.334	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	149.376	111.195	38.181





Phụ lục III
ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN
SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
TỈNH: LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	796.966	774.495	22.471
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	546.517	546.517	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	153.880	153.880	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	96.569	74.098	22.471



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	950.006	923.478	26.528
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	551.590	551.590	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	249.416	249.416	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	149.000	122.472	26.528



Phụ lục III

ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	200.959	155.683	45.276
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.283	3.283	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	197.676	152.400	45.276



Phụ lục III
ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
TỈNH: THÁI BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	196.242	154.969	41.273
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.099	3.099	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	193.143	151.870	41.273



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	1.152.830	1.038.419	114.411
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	261.518	261.518	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	253.246	253.246	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	638.066	523.655	114.411



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	1.228.400	1.147.053	81.347
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	615.214	615.214	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	161.549	161.549	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	451.637	370.290	81.347



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	265.581	211.725	53.856
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.525	5.525	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.918	2.918	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	257.138	203.282	53.856



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	403.945	368.872	35.073
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	199.747	199.747	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	14.370	14.370	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	189.828	154.755	35.073



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	341.696	314.486	27.210
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	155.562	155.562	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	64.954	64.954	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	121.180	93.970	27.210



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: THỪA THIÊN - HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	232.955	202.798	30.157
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	98.253	98.253	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	12.000	12.000	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	122.702	92.545	30.157



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỎ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	749.049	701.387	47.662
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	307.233	307.233	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	202.596	202.596	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	239.220	191.558	47.662



Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN
SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
TỈNH: QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	485.880	455.041	30.839
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	262.784	262.784	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	91.817	91.817	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	131.279	100.440	30.839



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	296.111	265.024	31.087
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	109.634	109.634	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	47.490	47.490	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	138.987	107.900	31.087



Phụ lục III

ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	201.922	176.552	25.370
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	77.446	77.446	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370	2.370	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	122.106	96.736	25.370



Phụ lục III

ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	148.131	148.131	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	78.366	78.366	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	69.765	69.765	



Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI BỐ SƯNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	246.813	225.353	21.460
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	115.402	115.402	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	44.826	44.826	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	86.585	65.125	21.460



Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
TỈNH: BÌNH THUẬN
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	239.792	205.800	33.992
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	65.800	65.800	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	173.992	140.000	33.992

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	697.796	650.997	46.799
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	395.321	395.321	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	91.071	91.071	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	211.404	164.605	46.799



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	523.984	491.653	32.331
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	281.125	281.125	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	80.549	80.549	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	162.310	129.979	32.331



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	791.703	718.237	73.466
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	368.916	368.916	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	48.379	48.379	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	374.408	300.942	73.466



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	657.402	628.823	28.579
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	430.755	430.755	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	111.760	111.760	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	114.887	86.308	28.579



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	308.483	270.507	37.976
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	135.347	135.347	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.610	2.610	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	170.526	132.550	37.976



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	373.442	336.715	36.727
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	171.242	171.242	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.457	2.457	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	199.743	163.016	36.727



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	145.479	119.388	26.091
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.748	2.748	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	142.731	116.640	26.091



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: LONG AN

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	277.916	227.458	50.458
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.918	2.918	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	274.998	224.540	50.458



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: TIỀN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	193.591	156.844	36.747
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.099	3.099	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	190.492	153.745	36.747



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	321.360	273.255	48.105
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	52.500	52.500	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	268.860	220.755	48.105



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	224.343	198.687	25.656
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	110.587	110.587	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370	2.370	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	111.386	85.730	25.656



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: VINH LONG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	173.118	140.365	32.753
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.038	10.038	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.457	2.457	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	160.623	127.870	32.753



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: HẬU GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	114.736	90.792	23.944
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	11.282	11.282	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370	2.370	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	101.084	77.140	23.944



Phụ lục III

ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	286.311	255.186	31.125
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	134.382	134.382	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.378	6.378	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	145.551	114.426	31.125



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	352.107	299.526	52.581
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	37.757	37.757	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	46.834	46.834	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	267.516	214.935	52.581



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	167.144	131.239	35.905
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.464	3.464	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	163.680	127.775	35.905



Phụ lục III

ĐỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ).

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số	207.730	172.871	34.859
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	48.171	48.171	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	9.000	9.000	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	150.559	115.700	34.859



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	82.444	65.402	17.042
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.522	7.522	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370	2.370	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	72.552	55.510	17.042

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

TỈNH: CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
I	2	3=4+5	4	5
	Tổng số	233.880	201.811	32.069
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	41.923	41.923	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	20.457	20.457	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	171.500	139.431	32.069